CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

Tổng CTCP Dệt May Hà Nội

Ngày 31/12/2024	5,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.6%	-	-

DT thuần
Q4/24
299
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.00| 2.3%
YoY: ▼16.0| -5.1%

LN thuần
Q4/24
-4.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.61| -191%
YoY: ▲ 84.3| 95.4%

LN sau thuế
Q4/24
-1.21
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.71| -122%
YoY: ▲ 65.8| 98.2%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
-3.1%
YoY: +/-▲ 1.4%

ROE
2024
-17.1%
YoY: +/-▲ 5.5%

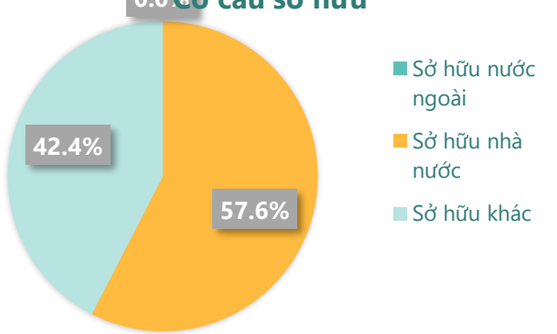
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,000 - 9,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	111
Số lượng CPLH (CP)	20,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	625
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.09)
EPS	-3,485
P/E	-1.5

DT thuần
2024
1,115
tỷ VNĐ
YoY: ▼183| -14.1%

LN thuần
2024
-83.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 83.5| 50.2%

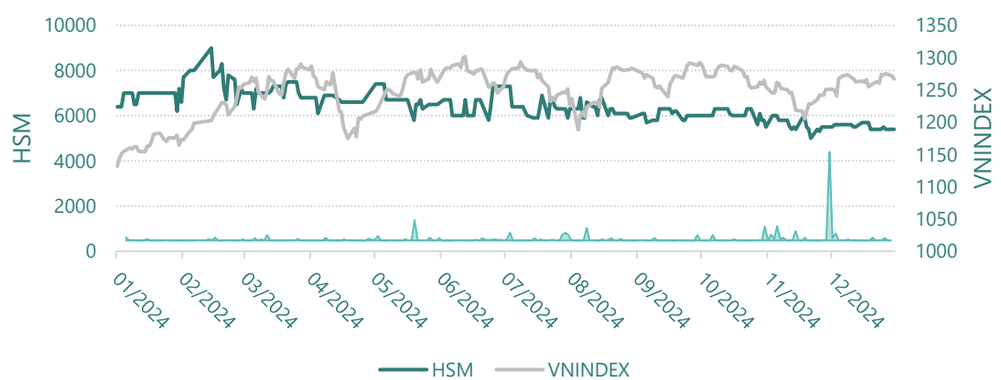
LN sau thuế
2024
-79.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 42.9| 34.9%

Cơ cấu sở hữu

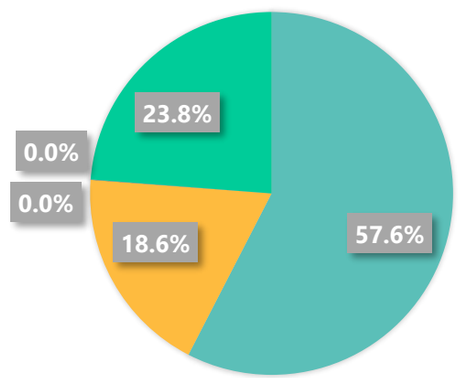


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

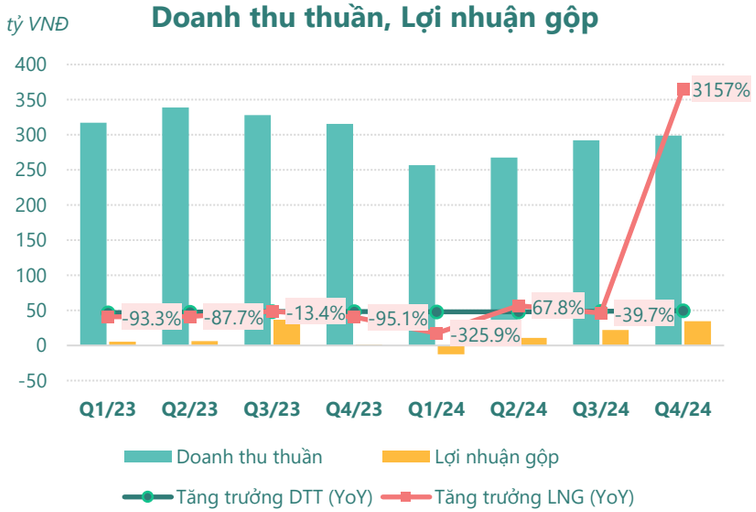


- Công ty TNHH Tổng công ty Dệt may Miền Bắc - Vinatex
- CTCP Dệt may Liên Phương
- Nguyễn Tuấn Đạo (Thành viên Ban kiểm soát)
- Hồ Lê Hùng (Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

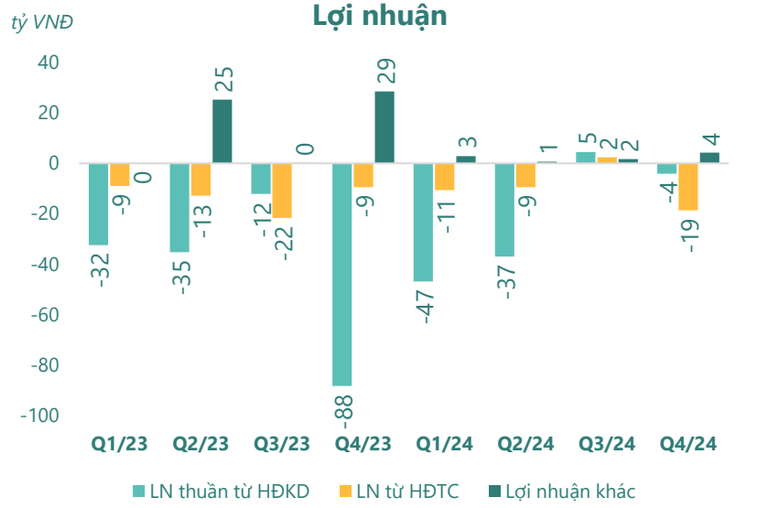
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



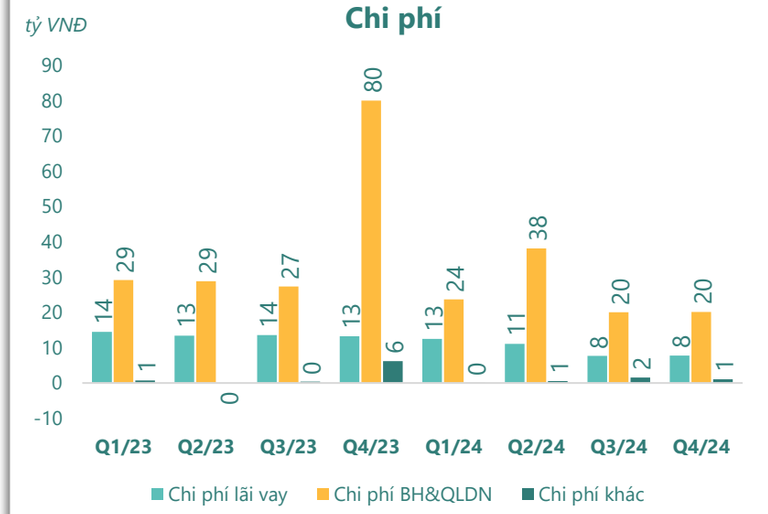
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



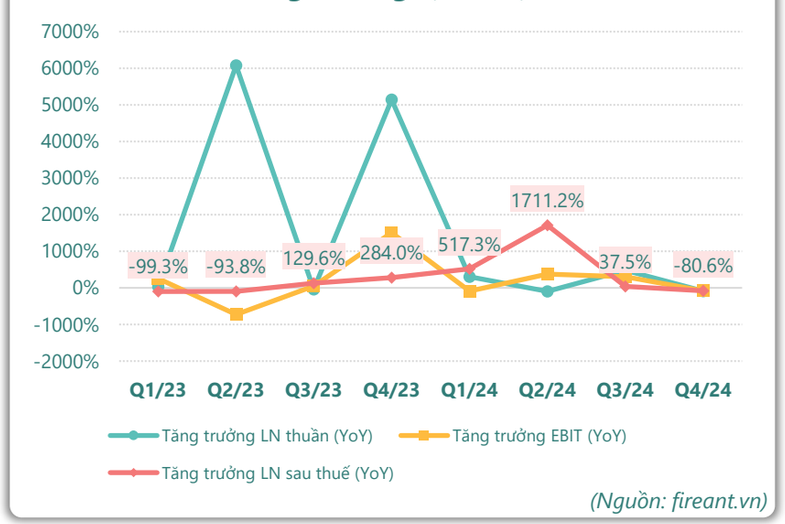
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



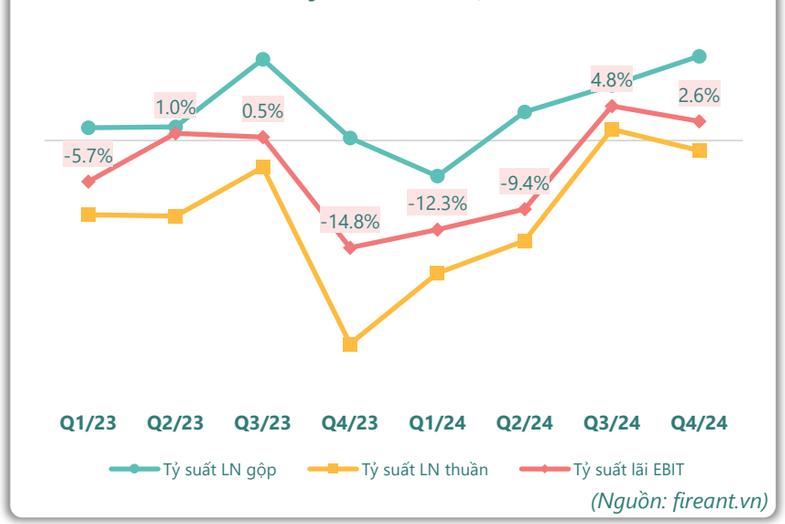
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



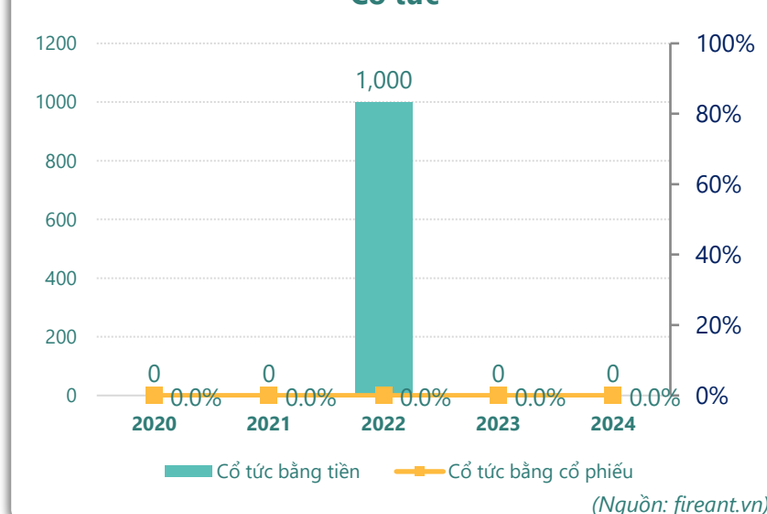
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

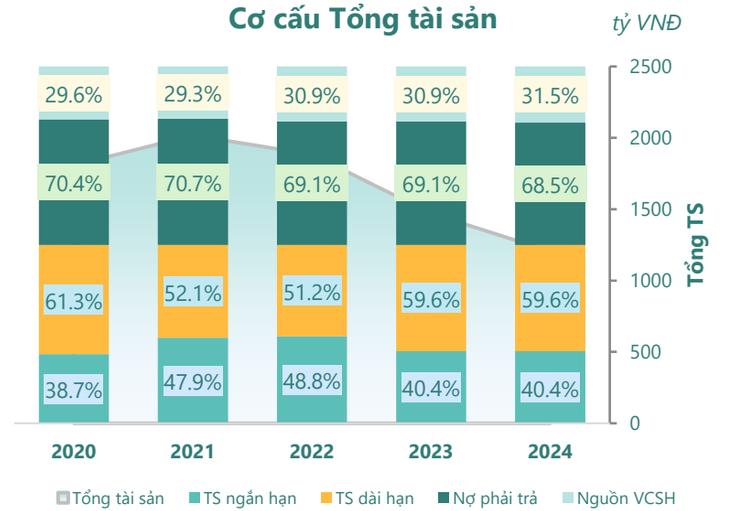
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

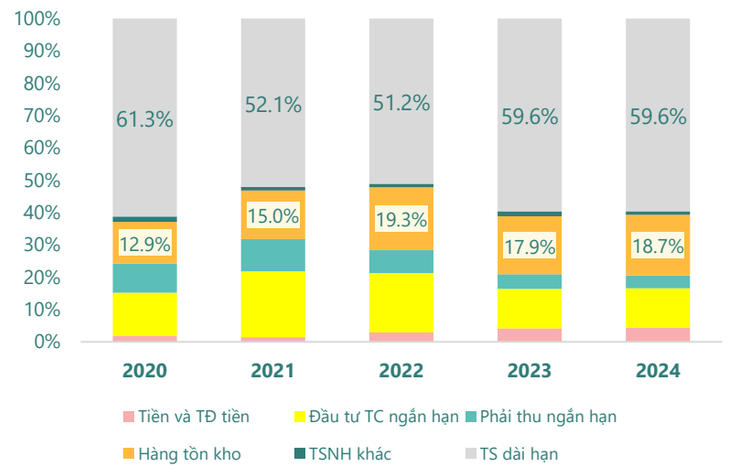
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



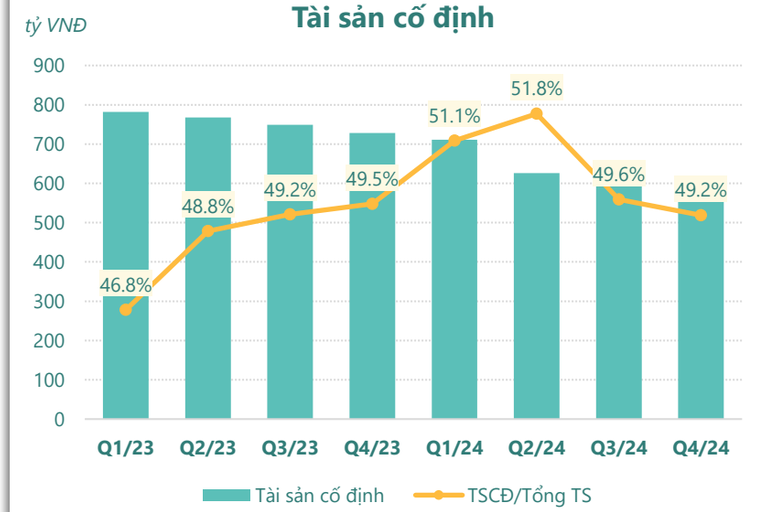
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



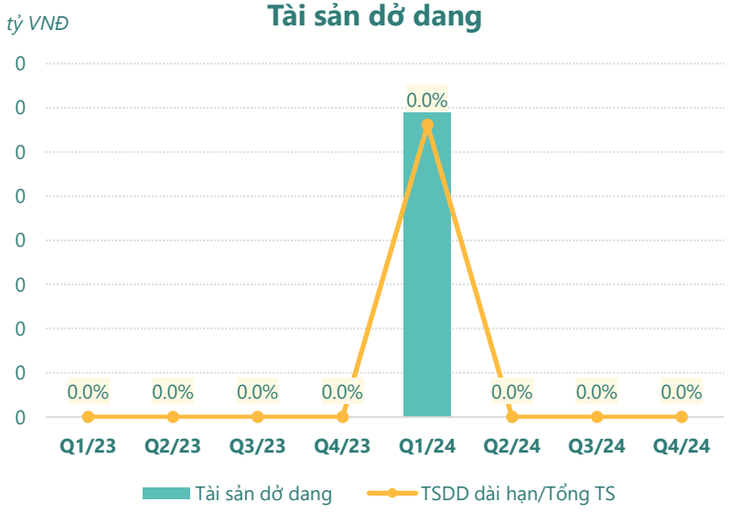
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



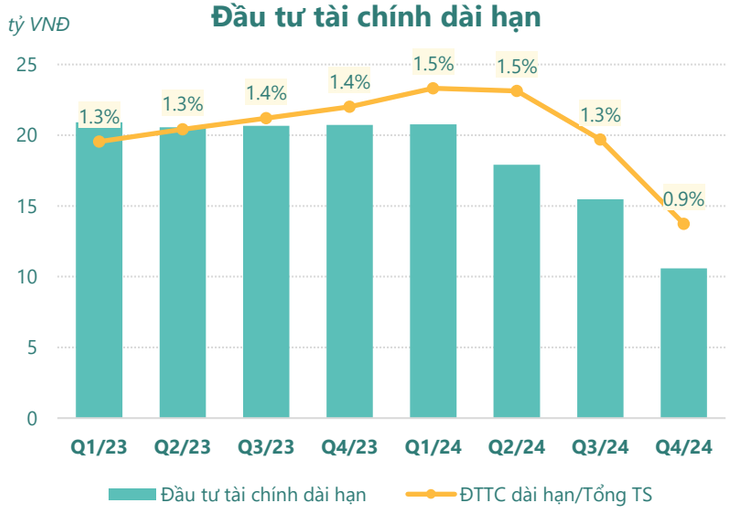
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



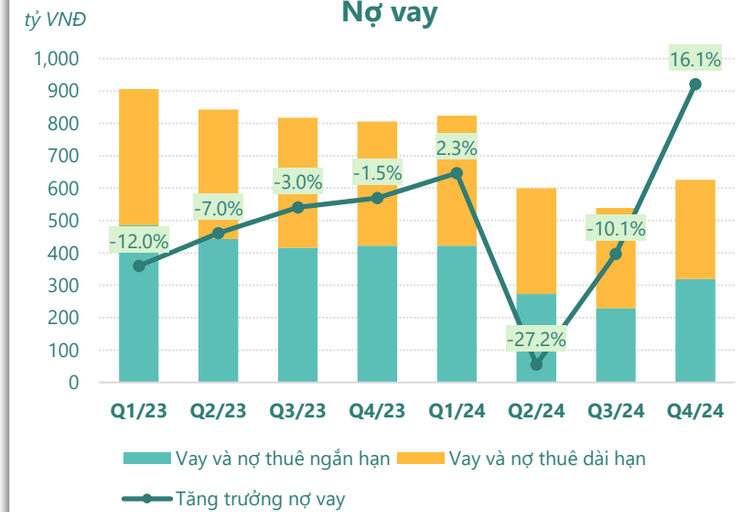
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

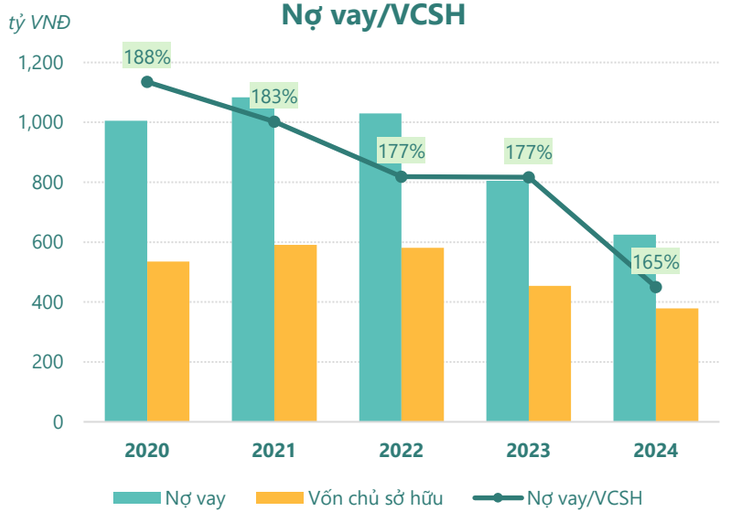
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

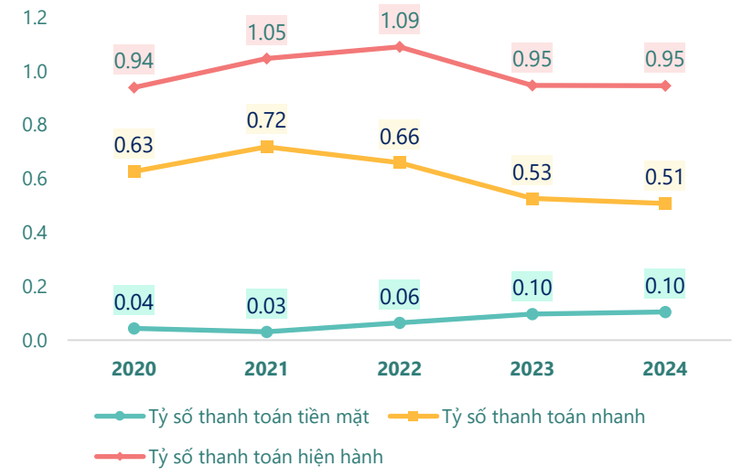
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



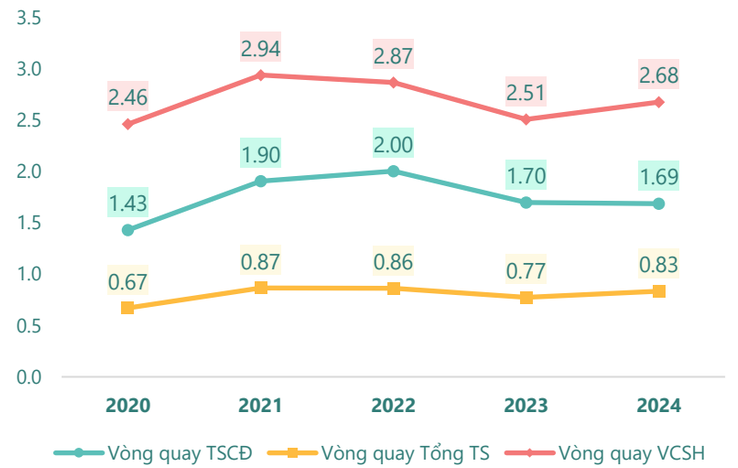
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



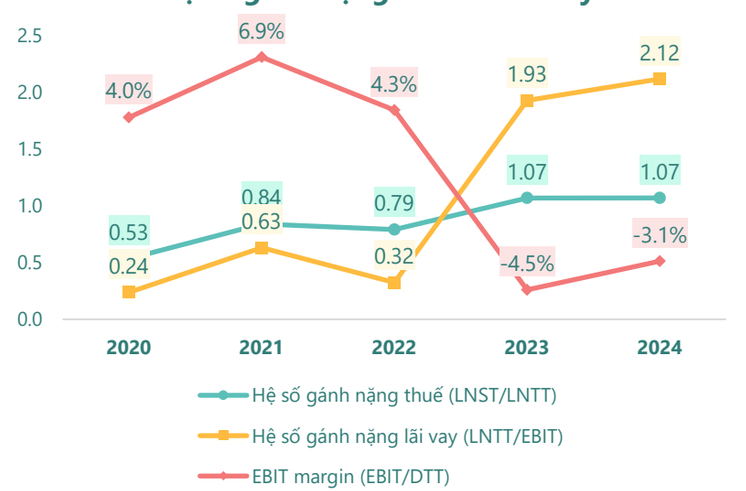
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



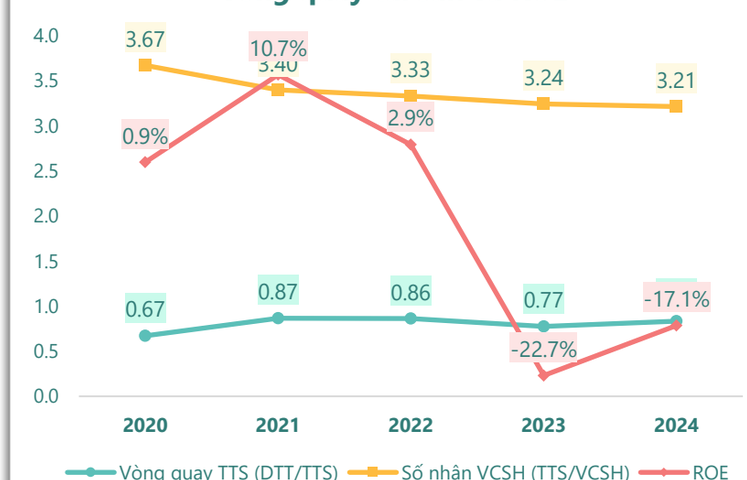
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



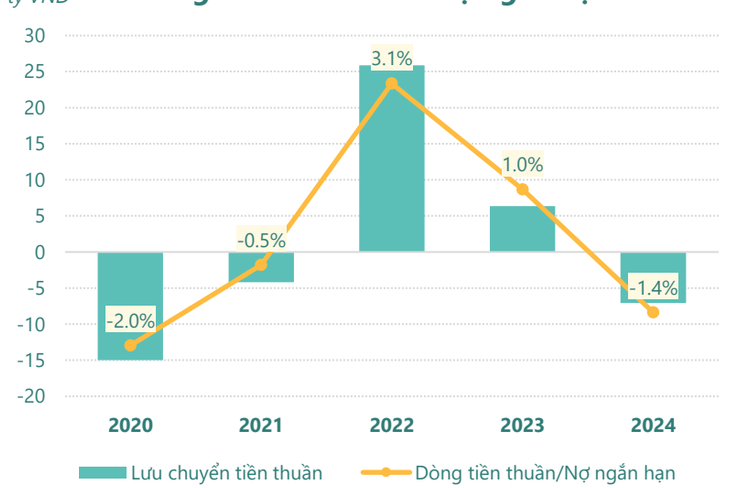
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**299**	**315**	**-5.1%**	**1,115**	**1,298**	**-14.1%**
Giá vốn hàng bán	264	314	-15.9%	1,060	1,249	-15.2%
Lợi nhuận gộp	34.7	1.07	3145%	54.9	48.9	12.4%
Doanh thu HĐTC	4.37	4.84	-9.7%	46.3	19.8	134%
Chi phí TC	23.0	14.3	61.0%	82.7	72.9	13.5%
Chi phí lãi vay	7.75	13.3	-41.7%	39.1	54.7	-28.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.07**	**-100%**	**0.09**	**0.40**	**-78.0%**
Chi phí bán hàng	6.33	7.35	-13.9%	29.0	35.3	-17.9%
Chi phí QLDN	**13.8**	**72.7**	**-81.0%**	**73.1**	**128**	**-43.1%**
LN thuần từ HĐKD	-4.09	-88.4	95.4%	-83.5	-167	50.2%
Lợi nhuận khác	**4.25**	**28.5**	**-85.1%**	**9.42**	**53.7**	**-82.5%**
LN trước thuế	0.15	-59.8	100%	-74.1	-114	34.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.21**	**-67.0**	**98.2%**	**-79.1**	**-122**	**34.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.15**	**-64.8**	**96.7%**	**-71.4**	**-117**	**39.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	19.0	-21.8	-35.0	116	108	-121
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.79	63.5	-12.4	29.5	25.4	15.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-34.5	-1.93	18.5	-161	-58.5	67.9
Tiền đầu kỳ	36.8	28.1	61.0	32.1	17.1	91.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-8.70**	**39.7**	**-28.8**	**-15.1**	**74.6**	**-37.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.04	-0.01	0	0.01	-0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	28.1	67.8	32.1	17.1	91.6	53.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,205**	**1,472**	**-18.1%**
Tài sản ngắn hạn	487	595	-18.2%
Tiền và tương đương tiền	53.9	61.0	-11.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	145	180	-19.1%
Phải thu ngắn hạn	48.6	67.5	-28.0%
Hàng tồn kho	225	264	-14.5%
Tài sản ngắn hạn khác	13.3	22.9	-41.7%
Tài sản dài hạn	**718**	**877**	**-18.1%**
Phải thu dài hạn	13.8	15.8	-12.6%
Tài sản cố định	593	728	-18.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	10.6	20.7	-48.9%
Tài sản dài hạn khác	**101**	**112**	**-9.8%**
Lợi thế thương mại	0	0.18	-100%
Nợ phải trả	826	1,018	-18.8%
Nợ ngắn hạn	**514**	**628**	**-18.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	319	425	-24.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	129	122	5.8%
Nợ dài hạn	312	390	-20.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	306	380	-19.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**379**	**454**	**-16.6%**
Vốn chủ sở hữu	**379**	**454**	**-16.6%**
Vốn điều lệ	205	205	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)